TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST Ngày: 14 - 9 - 2021 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Minh S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 5, L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 5, L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Bản K, xã B, huyện L, tỉnh S.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh S, chị T (anh S xin vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Đỗ Minh S trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Lường Thị T vào ngày 28/9/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường tuy nhiên từ khoảng cuối năm 2017 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã dẫn đến đời sống chung vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm

giữa anh và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với chị Lường Thị T.

Về con chung: Anh và chị Lường Thị T có hai con chung là Đỗ Lường Minh H, sinh ngày 23/8/2005 và Đỗ Thị Ngân Th, sinh ngày 07/9/2007. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh, cháu Th đang ở cùng chị T. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H và để chị T nuôi dưỡng cháu Th. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S. Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Schị Lường Thị T trình bày nội dung:

Về tình cảm: Chị và anh Đỗ Minh S kết hôn vào ngày 28/9/2006 tại UBND xã Tạ Bú, huyện M, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn thì vợ chồng sống ở bản K, xã T, huyện M, tỉnh S được khoảng 10 năm thì chuyển về xóm 5, L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S hành hạ bằng việc chị vừa sinh cháu thứ 2 được 10 ngày anh S bắt bằng được chị đi làm phụ vữa cùng, sức chị mới sinh không làm được thì anh S lôi chị ra đánh đập, chửi bới, đuổi ra khỏi nhà, cơm thì không cho chị ăn. Nhiều lần chị không thể chịu được nên đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Anh S có đến đón chị quay về và hứa sẽ Sa chữa nhưng về được một hai hôm anh lại đánh đập chị, nên chị tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ 3-4 lần. Nay anh S làm đơn ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí lý hôn vì chị chỉ nhất trí ly hôn khi anh S phải chia tài sản chung của vợ chồng cho chị.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Đỗ Lường Minh H, sinh ngày 23/8/2005 và Đỗ Thị Ngân Th, sinh ngày 07/9/2007. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh S, cháu Th đang ở cùng chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Th, nếu anh S chia tài sản cho chị một cách hợp lý thì chị không yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: Một căn nhà cấp 4, lợp tôn khoảng 30m^2 (không rõ giá trị); Một máy xúc giá trị khoảng 300.000.000 đồng; Một xe nâng hàng giá trị 30.000.000 đồng; Một xe ba gác giá trị khoảng 18.000.000 đồng; Một xe máy sirius giá trị lúc mua 18.500.000 đồng; Một ô tô con giá trị 450.000.000 đồng; Tại nhà có bán hàng vật liệu xây dựng (không rõ giá trị).

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sthể hiện nội dung: Chị Lường Thị T tiếp tục lựa chọn Tòa án nhân

dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là nơi giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Đỗ Minh S. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị T đã trình bày tại biên bản trước đây, còn một số tài sản nhà và đất, vật liệu xây dựng thì chị không rõ giá trị là bao nhiêu. Về lý do chị không đến Tòa án qua những lần triệu tập trước đây là vì đang dịch bệnh Covid không có xe khách chạy nên chị không đến được. Chị T đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S giải thích các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc nếu không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo giấy triệu tập, không nộp các chi phí tố tụng thì các yêu cầu của chị sẽ không được xem xét chấp nhận. Chị T đã được giải thích và đã rõ.

Tại biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sngày 19/7/2021 thể hiện nội dung: Chị Lường Thị T đã được tống đạt Thông báo số 46/2021/TB - CCTLCC ngày 09/7/2021 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ và Thông báo số 44/TB-TA ngày 09/7/2021 về việc nộp tạm ứng án phí của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại biên bản làm việc ngày 04/8/2021 giữa Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định thể hiện nội dung: Kể từ ngày 19/7/2021 cho đến ngày 04/8/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định không có trường hợp nào tên là Lường Thị T, sinh năm 1983 Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 5, L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định (nơi ở hiện nay: Bản K, xã T, huyện M, tỉnh S) đến nộp tiền tạm ứng án phí theo giấy Thông báo số 44/TB-TA ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

3. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đối với cháu Đỗ Thị Ngân Th: Cháu Th cho biết nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ Lường Thị T. Theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Đỗ Lường Minh H ngày 15/3/2021 cháu H có nguyện vọng xin được ở cùng với bố Đỗ Minh S nếu bố mẹ ly hôn.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, anh S có mặt, chị T vắng mặt. Anh S có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Trung theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Anh S xin giải quyết vắng mặt. Chị T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của anh S đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Minh S.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Đỗ Lường Minh H, sinh ngày 23/8/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Thị Ngân Th, sinh ngày 07/9/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị Lường Thị T. Do chị T không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung mà không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 192; Điều 195; Điều 202 đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp chị Lường Thị T tiếp tục có đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng thì chị Lường Thị T có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do nguyên đơn anh Đỗ Minh S thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn chị Lường Thị T hiện đang ở tại bản K, xã T, huyện M, tỉnh S nhưng chị đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là nơi giải quyết việc ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh S có đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh S và chị Lường Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh S. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra bất đồng nên cuộc sống luôn căng thẳng, không có hạnh phúc và hiện nay anh, chị đang sống ly thân nhau. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị T. Về phía chị T, chị xác định việc mâu thuẫn vợ chồng là do anh S có hành vi hành hạ chị dẫn đến nhiều lần chị không thể chịu được nên phải bỏ về nhà mẹ đẻ 3-4 lần, chị đã cho anh S cơ hội Sa chữa nhưng anh S vẫn không thay đổi, mặc dù chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị chỉ nhất trí ly hôn khi anh S chia tài sản chung cho chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án triệu tập chị T để tham gia tố tụng, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng chị T vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ chị không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với anh S nữa. Anh S đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn chị T nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh, chị được. Xét thấy, cuộc sống của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của anh S, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh S và chị T có hai con chung là Đỗ Lường Minh H, sinh ngày 23/8/2005 và Đỗ Thị Ngân Th, sinh ngày 07/9/2007. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con sau khi ly hôn của anh S, chị T đều là nguyện vọng chính đáng. Xét điều kiện thực tế hiện nay cháu H đang ở cùng anh S, cháu Th đang ở cùng chị T, trên cơ sở nguyện vọng của cháu H, cháu Th. Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Nguyên đơn anh Đỗ Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2021 bị đơn chị Lường Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: Một căn nhà cấp 4, lợp tôn khoảng 30m^2 (không

rõ giá trị); Một máy xúc giá trị khoảng 300.000.000 đồng; Một xe nâng hàng giá trị 30.000.000 đồng; Một xe ba gác giá trị khoảng 18.000.000 đồng; Một xe máy sirius giá trị lúc mua 18.500.000 đồng; Một ô tô con giá trị 450.000.000 đồng; Tại nhà có bán hàng vật liệu xây dựng (không rõ giá trị). Như vậy tổng giá trị tài sản chung của anh, chị được tạm tính là 816.500.000 (tám trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng. Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã ra Thông báo số 44/TB-TA ngày 09/7/2021 về việc yêu cầu chị Lường Thị T nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Ngày 19/7/2021 chị T được Tòa án huyện M, tỉnh Stống đạt hợp lệ Thông báo này. Tuy nhiên qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ý Yên kể từ ngày 19/7/2021 đến ngày 04/8/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định không có trường hợp nào tên là Lường Thị T, sinh năm 1983 Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 5, L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định (nơi ở hiện nay: Bản K, xã T, huyện M, tỉnh S) đến nộp tiền tạm ứng án phí theo giấy Thông báo số 44/TB-TA ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Do chị T không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung mà không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 192; Điều 195; Điều 202 Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này của chị T. Trường hợp chị Lường Thị T tiếp tục có đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng thì chị Lường Thị T có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Đỗ Minh S và chị Lường Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Lường Minh H, sinh ngày 23/8/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Đỗ Thị Ngân Th, sinh ngày 07/9/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Đỗ Minh S phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001691 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh S đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Đỗ Minh S và chị Lường Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh S: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Anh